

SỐ LIỆU XÉT DUYỆT QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2022
(Kèm theo Thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2022 số: 1958/TB-SYT ngày 05/5/2023)

ĐƠN VỊ: BỆNH VIỆN CHUYÊN KHOA DA LIỄU - TÂM THẦN

PHẦN I: TỔNG HỢP TÌNH HÌNH KINH PHÍ:

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Nội dung	Loại 130			
		Tổng số	Tổng loại 130	Khoản 131	Khoản 132
A	NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC				
I	NGUỒN NGÂN SÁCH TRONG NƯỚC				
1	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang (01=02+05)	112.811.280	112.811.280	35.456.400	77.354.880
1.1	Kinh phí thường xuyên/tự chủ	37.800.000	37.800.000	-	37.800.000
	- Kinh phí đã nhận	-	-		
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	37.800.000	37.800.000	-	37.800.000
1.2	Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	75.011.280	75.011.280	35.456.400	39.554.880
	- Kinh phí đã nhận	-	-		
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	75.011.280	75.011.280	35.456.400	39.554.880
2	Dự toán được giao trong năm	4.276.028.894	4.276.028.894	4.275.378.894	650.000
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	4.215.378.894	4.215.378.894	4.215.378.894	-
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	60.650.000	60.650.000	60.000.000	650.000
3	Tổng số được sử dụng trong năm	4.388.840.174	4.388.840.174	4.310.835.294	78.004.880
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	4.253.178.894	4.253.178.894	4.215.378.894	37.800.000
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	135.661.280	135.661.280	95.456.400	40.204.880
4	Kinh phí thực nhận trong năm	4.229.311.063	4.229.311.063	4.228.661.063	650.000
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	4.174.698.894	4.174.698.894	4.174.698.894	-
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	54.612.169	54.612.169	53.962.169	650.000
5	Kinh phí đề nghị quyết toán	4.229.311.063	4.229.311.063	4.228.661.063	650.000
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	4.174.698.894	4.174.698.894	4.174.698.894	-

Chỉ tiêu	Nội dung	Loại 130			
		Tổng số	Tổng loại 130	Khoản 131	Khoản 132
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	54.612.169	54.612.169	53.962.169	650.000
6	Kinh phí giảm trong năm	37.831	37.831	37.831	-
6.1	Kinh phí thường xuyên/tự chủ	-	-	-	-
	- Đã nộp NSNN	-	-		
	- Còn phải nộp NSNN	-	-		
	- Dự toán bị huỷ	-	-	-	
6.2	Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	37.831	37.831	37.831	-
	- Đã nộp NSNN	-	-		
	- Còn phải nộp NSNN	-	-		
	- Dự toán bị huỷ	37.831	37.831	37.831	-
7	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán	159.491.280	159.491.280	82.136.400	77.354.880
7.1	Kinh phí thường xuyên/tự chủ	78.480.000	78.480.000	40.680.000	37.800.000
	- Kinh phí đã nhận	-	-		
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	78.480.000	78.480.000	40.680.000	37.800.000
7.2	Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	81.011.280	81.011.280	41.456.400	39.554.880
	- Kinh phí đã nhận	-	-		
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	81.011.280	81.011.280	41.456.400	39.554.880
II	NGUỒN VỐN VIỆN TRỢ	-	-		
1	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang	-	-		
2	Dự toán được giao trong năm	-	-		
3	Tổng kinh phí đã nhận viện trợ trong năm (38=39+40)	-	-		
	- Số đã ghi thu, ghi tạm ứng	-	-		
	- Số đã ghi thu, ghi chi	-	-		
4	Kinh phí được sử dụng trong năm	-	-		
5	Kinh phí đề nghị quyết toán	-	-		
6	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán	-	-		
III	NGUỒN VAY NỢ NƯỚC NGOÀI	-	-		
1	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang	-	-		

Chỉ tiêu	Nội dung	Loại 130			
		Tổng số	Tổng loại 130	Khoản 131	Khoản 132
	- Kinh phí đã ghi tạm ứng	-	-		
	- Số dư dự toán	-	-		
2	Dự toán được giao trong năm	-	-		
3	Tổng số được sử dụng trong năm	-	-		
4	Tổng kinh phí đã vay trong năm	-	-		
	- Số đã ghi vay, ghi tạm ứng NSNN	-	-		
	- Số đã ghi vay, ghi chi NSNN	-	-		
5	Kinh phí đơn vị đã sử dụng đề nghị quyết toán	-	-		
6	Kinh phí giảm trong năm	-	-		
	- Đã nộp NSNN	-	-		
	- Còn phải nộp NSNN	-	-		
	- Dự toán bị hủy	-	-		
7	Kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán	-	-		
	- Kinh phí đã ghi tạm ứng	-	-		
	- Số dư dự toán	-	-		
8	Số đã giải ngân, rút vốn chưa hạch toán NSNN	-	-		
B	NGUỒN PHÍ ĐƯỢC KHẤU TRỪ ĐỂ LẠI	-	-		
1	Số dư kinh phí chưa sử dụng năm trước chuyển sang	-	-		
	- <i>Kinh phí thường xuyên/tự chủ</i>	-	-		
	- <i>Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ</i>	-	-		
2	Dự toán được giao trong năm	-	-		
	- <i>Kinh phí thường xuyên/tự chủ</i>	-	-		
	- <i>Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ</i>	-	-		
3	Số thu được trong năm	-	-		
	- <i>Kinh phí thường xuyên/tự chủ</i>	-	-		
	- <i>Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ</i>	-	-		
4	Tổng số kinh phí được sử dụng trong năm	-	-		
	- <i>Kinh phí thường xuyên/tự chủ</i>	-	-		
	- <i>Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ</i>	-	-		

Chỉ tiêu	Nội dung	Loại 130			
		Tổng số	Tổng loại 130	Khoản 131	Khoản 132
5	Số kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán	-	-		
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	-	-		
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	-	-		
6	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán	-	-		
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	-	-		
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	-	-		
C	NGUỒN HOẠT ĐỘNG KHÁC ĐƯỢC ĐỀ LẠI	-	-		
1	Số dư kinh phí chưa sử dụng năm trước chuyển sang	1.270.659.026	1.270.659.026	-	1.270.659.026
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	943.689	943.689		943.689
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	1.269.715.337	1.269.715.337		1.269.715.337
2	Dự toán được giao trong năm	-	-	-	-
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	-	-		
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	-	-		
3	Số thu được trong năm	9.283.093.812	9.283.093.812	-	9.283.093.812
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	8.919.724.876	8.919.724.876		8.919.724.876
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	363.368.936	363.368.936		363.368.936
4	Tổng số kinh phí được sử dụng trong năm	10.553.752.838	10.553.752.838	-	10.553.752.838
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	8.920.668.565	8.920.668.565		8.920.668.565
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	1.633.084.273	1.633.084.273		1.633.084.273
5	Số kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán	8.914.868.565	8.914.868.565	-	8.914.868.565
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	8.914.868.565	8.914.868.565		8.914.868.565
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	-	-		-
6	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán	1.638.884.273	1.638.884.273	-	1.638.884.273
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	5.800.000	5.800.000		5.800.000
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	1.633.084.273	1.633.084.273		1.633.084.273